

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 12/4/2018

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Ngô Anh Tuấn -Ủy viên Ban thường trực Mặt trận tổ quốc Việt Nam
huyện Tuy Phong

2. Bà Thái Thị Dung -Bí thư xã Hòa Minh huyện Tuy Phong.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:**
Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** bà Huỳnh Hải Âu - Cán bộ Tòa án
nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
06/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử, số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018
và Quyết định hoãn phiên tòa, số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm
2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Bùi Hữu Đ, sinh năm: 1959
Địa chỉ: xóm A, thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1957
Địa chỉ: xóm A, thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Bùi Hữu Đ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 1980 cho đến nay. Trong quá trình chung sống tôi và bà C có 04 người con tên: Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1980; Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1984; Bùi Văn M, sinh năm 1986; Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1988.

Thời gian sống chung như vợ chồng bà C hay bài bạc dẫn đến mắc nợ, nhiều lần tôi và các con phải trả nợ cho bà với mong muốn bà sửa chữa sai lầm, làm ăn lo cho gia đình nhưng qua một thời gian bà C vẫn không sửa đổi, vẫn đam mê bài bạc. Không chịu được cách sống của bà C nên vào năm 2010 tôi và bà C sống ly thân, mặc dù vẫn con sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai nữa. Đến năm 2017 bà C tiếp tục mắc nợ và bỏ nhà đi đâu cho đến nay, không nói cho gia đình biết nơi bà ở.

Nay tôi nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà C vì hiện nay tôi không còn tình cảm với bà C.

- *Về con chung*: vợ chồng có 04 con chung tên Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1980; Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1984; Bùi Văn M, sinh năm 1986; Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1988. Tất cả đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản xác minh, ngày 18/01/2018 đối với bà Bùi Thị Thanh N (con ông Bùi Hữu Đ và bà Nguyễn Thị C).**

Bà Bùi Thị Thanh N trình bày: Cha, mẹ bà đã sống ly thân từ bảy, tám năm về trước, không ai quan tâm đến ai nguyên nhân là do mẹ bà nợ nần nhiều lần để cha và chị em bà trả nợ. Từ tháng 8 năm 2017 mẹ bà (bà Nguyễn Thị C) đã bỏ nhà đi.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Hữu Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Bùi Hữu Đ có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Bùi Hữu Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản, QĐXX, QĐ hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng tại phiên

tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị C vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu Đ, HĐXX nhận thấy: ông Bùi Hữu Đ và bà Nguyễn Thị C sống chung như vợ chồng từ năm 1980. Đây là quan hệ hôn nhân thực tế được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987; theo Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ để xác định ông bà sống chung trước ngày 03/01/1987 do con chung của ông bà sinh năm 1980.

Ông Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bà C cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống ông bà không còn tình cảm với nhau, từ năm 2010 ông bà đã sống ly thân. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Đến đầu năm 2017 bà C bỏ nhà đi đến nay. Xét thấy, đương sự thừa nhận cuộc sống vợ chồng có sự mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài nên có cơ sở kết luận hôn nhân của ông Đ và bà C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà C.

-Về con chung: vợ chồng ông có 04 con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1980; Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1984; Bùi Văn M, sinh năm 1986; Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1988. Tất cả các con đều đã trưởng thành.

-Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét quan hệ này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Hữu Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Điều 3 Nghị quyết Số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Hữu Đ. Ông Bùi Hữu Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: ông Bùi Hữu Đ và bà Nguyễn Thị C có 04 con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1980; Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1984; Bùi Văn M,

sinh năm 1986; Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1988. Tất cả các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản và nợ chung: ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: ông Bùi Hữu Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014289 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông Đ đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của ông Bùi Hữu Đ là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (12/4/2018) và của bà Nguyễn Thị C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Phước Thới;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc